TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2018
V/v ly hôn giữa
chị S và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;
Ông Trần Tiến Sử.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện BV, thành phố HN.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Số nhà 116, TDP số A, thị trấn C, huyện HH, tỉnh NĐ

(Tại phiên tòa vắng mặt chị S, anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/11/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Anh T kết hôn với nhau ngày 14/01/2013, tại Ủy ban nhân dân xã M Quang, huyện Ba Vì, Hà Nội trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, do điều kiện công

việc nên vợ chồng thuê nhà chung sống tại Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm nên mọi gánh nặng gia đình chị S đều phải gánh vác, lo toan. Ngoài ra, anh T còn là người hay ghen, vì không muốn cho chị S giao lưu, quan hệ xã hội nên thường xuyên xúc phạm danh dự thậm chí sử dụng vũ lực đối với chị S. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, mặc dù đã được bạn bè, hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ kể từ tháng 8/2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khải M, sinh ngày 29/4/2014, hiện cháu M đang ở cùng với chị S. Chị S khẳng định bản thân chị hiện có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian, môi trường tốt để nuôi dạy con nên chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

- Về T sản chung và công nợ: Vợ chồng không có T sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn anh Nguyễn Anh T có lời khai phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị S về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày là do anh T không nhất trí với giờ giấc sinh hoạt, công việc cũng như lối sống và các mối quan hệ xã hội của chị S. Vì vậy, anh T cũng thừa nhận đã nhiều lần chửi chị S; ngoài ra, anh T có đánh chị S 1 lần do chị S có thái độ cư xử không đúng mực và đòi ly hôn với anh T. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ ngày 02/9/2017 cho đến nay. Nay chị S làm đơn xin ly hôn, anh T xác định quan hệ vợ chồng chưa đến mức quá phức tạp nên anh không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh T đề nghị vợ chồng sống ly thân vì tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân để chờ con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị S đã trình bày là đúng. Mặc dù con chung hiện đang ở với chị S, anh T đi làm kinh tế khi về quê thì ở chung với mẹ đẻ nhưng anh T cho rằng bản thân anh có điều kiện về thời gian và điều kiện về kinh tế hơn nên anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

Về T sản chung và công nợ: Vợ chồng không có T sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phạm Thị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị và Nguyễn Anh T. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Chị Phạm Thị S có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Anh T mặc dù đã được triệu hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị S, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã M Quang, huyện Ba Vì, Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp, môi trường sống và làm việc khác nhau dẫn đến không thông cảm và chia sẻ được với nhau. Chị S và anh T đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ khoảng từ giữa năm 2017 cho đến nay. Nay chị S đề nghị xin được ly hôn với anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn mà đề nghị sống ly thân để chờ con chung đủ tuổi trưởng thành.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mặc dù anh T đề nghị vợ chồng sống ly thân nhưng chị S không nhất trí, hơn nữa việc vợ chồng sống ly thân sẽ không đảm bảo mục đích của hôn nhân nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khải M, sinh ngày 29/4/2014, hiện đang do chị S nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị S và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù cả chị S và anh T đều khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên, căn cứ đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương, nơi làm việc của chị S và trường mầm non nơi cháu Khải M đang học tập thì thấy: Hiện nay, mặc dù còn thuê nhà nhưng chị S

và cháu M đã được đăng ký tạm trú và đang sinh sống ổn định tại số nhà 19, ngõ 37 tổ 3 Bằng A đường Bằng Liệt, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội; chị S hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần bưu chính Á Âu với mức thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng; Cháu Nguyễn Khải M hiện đang theo học lớp 4 tuổi trường mầm non Ánh Dương trong tình trạng phát triển tốt, quá trình theo học do chị S đóng học phí và chịu trách nhiệm đưa đón. Hơn nữa, bản thân cháu Khải M hiện chưa được 4 tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không chứng M chỗ ở cũng như thu nhập và các điều kiện khác, nhiều lần Tòa án gửi giấy triệu tập nhưng anh T không đến làm việc, Tòa án đã mở phiên tòa 2 lần nhưng cả 2 lần anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, xét nên giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Khải M, sinh ngày 29/4/2014 cho chị Phạm Thị S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có T sản để tự nuôi mình. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị S, được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về T sản chung và công nợ:* Chị S và anh T đều xác nhận vợ chồng không có T sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên về T sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Phạm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khải M, sinh ngày 29/4/2014 cho chị Phạm Thị S nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có T sản để tự nuôi mình. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị S và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002380 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Phạm Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND thị trấn C: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái